

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,210 – 1,220 trong cả phiên sáng trước khi bật tăng trong phiên chiều và đóng cửa tại mốc 1,236.60 điểm, tăng gần 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí, Du lịch và giải trí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Hóa chất,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong ngắn hạn, thị trường có thể tiếp tục quán tính tăng điểm trở lại vùng 1,240 – 1,250, tuy nhiên nhà đầu tư cần cẩn trọng trước áp lực chốt lời có thể xuất hiện tại đây.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 02/08/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+9.64** điểm, đóng cửa tại **1236.6** điểm. HNX-Index **+2.33** điểm, đóng cửa tại **231.56** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.34)**, **GVR (+0.95)**, **TCB (+0.87)**, **HPG (+0.87)**, **HVN (+0.80)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.65)**, **FPT (-0.56)**, **VHM (-0.47)**, **LPB (-0.30)**, **VRE (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,638** tỷ đồng, giảm **-22.73%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,358 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.83 điểm. Thị trường có **267** mã tăng, 72 mã tham chiếu, **160** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **744.02 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VNM (299.85 tỷ)**, **MSN (61.15 tỷ)**, **DGC (58.75 tỷ)**, **HPG (58.38 tỷ)**, **SSI (50.30 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **23.71 tỷ đồng**.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.23%**. Các mã diễn biến tích cực: **POW (+4.94%)**, **DGW (+3.96%)**, **DCM (+3.37%)**.
- BSC50 **+1.47%**. Các mã diễn biến tích cực: **BSI (+6.95%)**, **DBC (+6.86%)**, **PLX (+4.86%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.23%	1.47%	0.79%	0.71%
1 tuần	-2.06%	-4.40%	-1.22%	-0.77%
1 tháng	-2.11%	-1.80%	-1.79%	-1.57%
3 tháng	3.69%	2.80%	1.98%	2.34%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,236.60	231.56	93.77
% 1D	0.79%	1.02%	0.27%
GTGD (tỷ VND)	15,638	1,047	906
%1D	-22.73%	-42.52%	-18.47%
GDNN (tỷ VND)	744.02	23.71	4.99

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	299.85	VIX	-44.47
MSN	61.15	VHM	-39.60
DGC	58.75	DXG	-34.55
HPG	58.38	CTG	-34.11
SSI	50.30	STB	-25.48

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,447	-1.37%	0.88%
FTSE100	8,257	-0.32%	-0.35%
Eurostoxx	4,711	-1.31%	-3.14%
Shanghai	2,905	-0.92%	0.50%
Nikkei	35,918	-5.73%	-4.61%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

Giá dầu Brent	80.09	0.72%
Giá vàng	2,509	3.03%

Tỷ giá

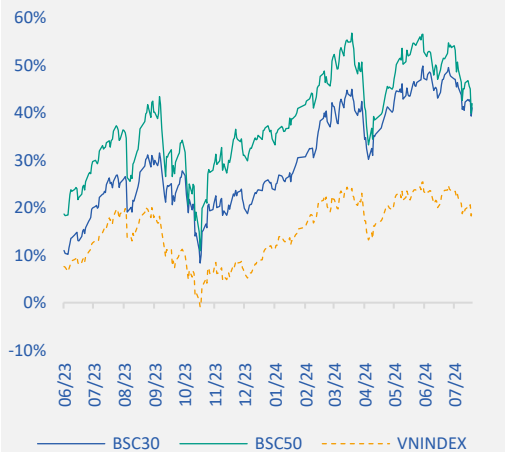
USD/VND	25,400	
EUR/VND	27,982	-0.36%
JPY/VND	169	0.31%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.8%	0.02%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1279.1	0.00%	786	-32.30%	9/19/2024	48
VN30F2412	1274.1	-0.29%	92	-54.0%	12/19/2024	139
VN30F2503	1281	0.16%	55	-6.78%	3/20/2025	230
VN30F2408	1275.9	0.07%	270992	6.46%	8/15/2024	13

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +9.01 điểm, đóng cửa tại 1281.01 điểm. Biên độ dao động 27.33 điểm. Các cổ phiếu như HPG, TCB, MBB, SSI, VNM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Chỉ số kết phiên tăng hơn 9 điểm so với phiên trước. Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì trên MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2408. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2408.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2334	8/23/2024	21	54,000	5.11%	27.00	950	18.8%	0.65	29.85	28.40	28.40
CTCB2309	9/25/2024	54	82,200	-33.80%	3.39	4,180	4.2%	6.92	15.56	23.50	23.50
CMWG2316	8/23/2024	21	46,600	1.02%	48.00	2,590	4.0%	2.51	63.54	62.90	62.90
CVIB2304	8/9/2024	7	185,400	5.02%	20.00	540	3.8%	0.30	22.16	21.10	21.10
CTCB2310	10/9/2024	68	525,700	-31.41%	3.39	1,640	3.8%	2.60	16.12	23.50	23.50
CMBB2317	8/21/2024	19	1,163,300	1.89%	20.00	850	3.7%	0.77	24.25	23.80	23.80
CHPG2342	11/21/2024	111	13,300	-65.98%	2.18	780	2.6%	2.76	9.27	27.25	27.25
CMWG2313	8/9/2024	7	117,600	0.86%	50.00	2,240	2.3%	2.16	63.44	62.90	62.90
CMBB2318	9/23/2024	52	719,100	-66.78%	1.76	1,570	0.6%	5.63	7.91	23.80	23.80
CSTB2327	8/9/2024	7	22,000	12.89%	32.00	10	0.0%	0.00	32.06	28.40	28.40
CVPB2314	8/9/2024	7	13,800	28.21%	24.00	10	0.0%	0.00	24.04	18.75	18.75
CACB2307	8/21/2024	19	91,600	20.17%	25.00	630	0.0%	0.05	28.78	23.95	23.95
CVIC2308	8/9/2024	7	971,000	19.52%	50.00	20	0.0%	0.00	50.20	42.00	42.00
CVNM2310	8/9/2024	7	53,600	12.03%	80.00	10	0.0%	0.00	80.10	71.50	71.50
CFPT2317	11/21/2024	111	319,600	-55.28%	10.10	3,000	-2.6%	7.55	55.10	123.20	123.20
CFPT2314	1/9/2025	160	283,700	-51.87%	10.00	4,930	-2.8%	11.34	59.30	123.20	123.20
CFPT2313	8/9/2024	7	35,500	17.21%	100.00	4,440	-3.1%	2.33	144.40	123.20	123.20
CVPB2321	8/21/2024	19	161,600	6.45%	18.00	280	-3.4%	0.15	19.96	18.75	18.75
CMBB2314	8/9/2024	7	20,700	1.18%	20.00	1,020	-4.7%	0.95	24.08	23.80	23.80
CVIB2307	8/21/2024	19	247,200	6.54%	21.00	370	-7.5%	0.19	22.48	21.10	21.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 02/08/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2313 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 40.00%. CMBB2315 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.52%.
- CVPB2314, CACB2307, CVIC2308, CFPT2313, và CSTB2327 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

CVNM2404, CVNM2315, CVNM2403, CMWG2401, và CMWG2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.25	2.06%	1.86
TCB	23.50	2.17%	1.21
MBB	23.80	1.71%	1.21
SSI	31.25	3.14%	1.07
VNM	71.50	1.71%	1.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	123.20	-1.28%	-1.77
VCB	88.70	-2.21%	-1.25
VHM	36.00	-1.23%	-0.60
VRE	17.95	-1.37%	-0.23
SHB	10.85	-0.46%	-0.16

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	47.75	2.03%	1.34	5.70
GVR	32.35	3.03%	0.95	4.00
TCB	23.50	2.17%	0.87	7.05
HPG	27.25	2.06%	0.87	6.40
HVN	22.05	6.78%	0.80	2.21

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	52.50	9.83%	0.73	0.20
MBS	29.60	6.09%	0.56	0.44
IDC	58.40	2.10%	0.29	0.33
VCS	66.00	3.13%	0.23	0.16
NTP	58.70	4.08%	0.22	0.13

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGI	25.35	6.96%	0.05	0.00
BSI	43.10	6.95%	0.16	0.78
KSB	18.50	6.94%	0.04	1.09
CTS	34.70	6.93%	0.09	2.48
FTS	37.05	6.93%	0.19	3.46

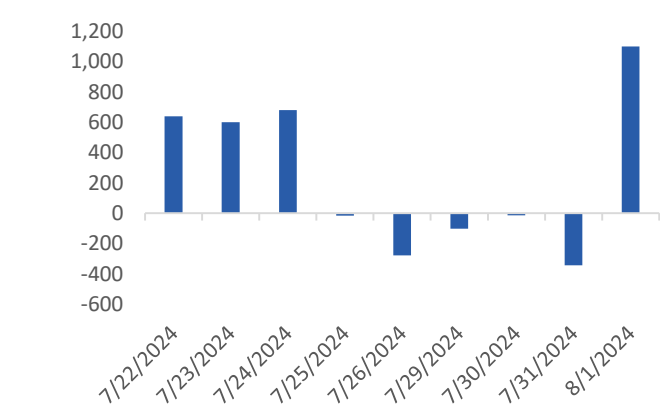
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HMR	52.50	9.83%	3.89	0.42
CMS	24.60	9.82%	0.05	0.04
TFC	17.90	9.82%	0.17	0.37
GKM	24.70	9.78%	0.15	0.10
MAC	40.60	9.73%	0.47	2.44

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	88.70	-2.21%	-2.65	5.59
FPT	123.20	-1.28%	-0.56	1.46
VHM	36.00	-1.23%	-0.47	4.35
LPB	28.50	-1.72%	-0.30	2.56
VRE	17.95	-1.37%	-0.14	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	52.00	-1.89%	-0.16	0.23
CDN	30.20	-3.82%	-0.08	0.10
DHT	69.00	-1.71%	-0.07	0.08
VIT	17.10	-8.56%	-0.05	0.05
VFS	15.40	-3.14%	-0.04	0.12

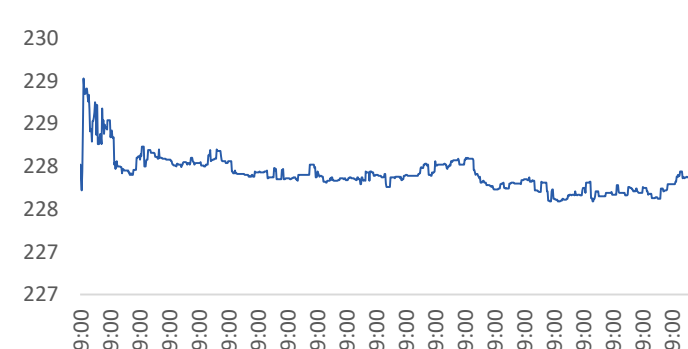
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	5.51	-6.93%	-0.03	4.65
SRC	31.00	-6.91%	-0.01	0.01
LDG	1.83	-6.63%	-0.01	9.05
GMC	8.31	-6.63%	0.00	0.00
AGM	2.88	-6.49%	0.00	0.19

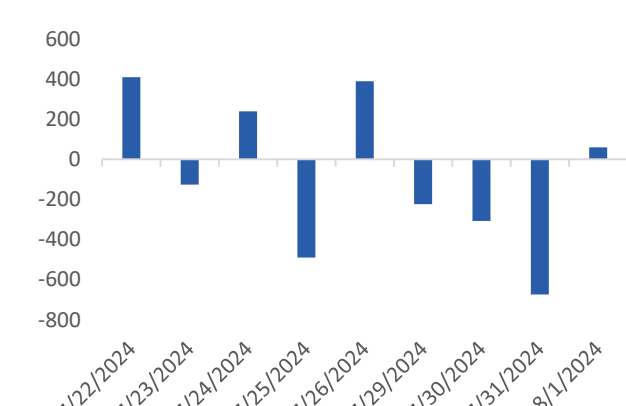
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGH	20.80	-9.57%	-0.09	0.00
CVN	1.90	-9.52%	-0.02	0.47
PTD	7.00	-9.09%	-0.01	0.00
GLT	32.60	-8.94%	-0.10	0.00
VIT	17.10	-8.56%	-0.28	0.01

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	88.7	-2.20%	0.6	19,645	5.3	5,962	14.9	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	47.8	2.00%	1.1	10,786	3.7	4,006	11.9	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	1.10%	1.0	5,895	10.4	1,460	12.8	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	23.5	2.20%	1.1	6,561	12.8	3,047	7.7	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	23.8	1.70%	1.0	5,005	22.4	4,018	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.4	1.20%	1.1	2,122	12.1	4,340	6.5	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	31.6	0.30%	1.3	6,714	13.0	3,782	8.3	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	0.00%	0.8	4,239	13.0	3,676	6.5	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	31.2	3.10%	1.2	1,869	19.0	1,882	16.6		42.6%	Link
IDC	Xây dựng	58.4	2.10%	1.2	764	2.8	5,573	10.5	65,700	24.1%	Link
HPG	VLXD	27.2	2.10%	1.2	6,907	18.9	1,746	15.6	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	21.4	2.90%	1.7	524	8.4	1,844	11.6	25,300	20.4%	Link
VHM	BĐS	36.0	-1.20%	1.0	6,212	12.3	5,326	6.8	108,300	15.7%	Link
KDH	BĐS	35.0	0.60%	1.3	1,109	3.1	765	45.7	44,500	39.6%	Link
NLG	BĐS	39.5	0.50%	1.3	602	2.8	1,102	35.8	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	107.1	1.00%	1.5	1,612	13.7	7,849	13.6	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	36.8	3.40%	1.3	773	6.0	2,798	13.2	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	78.9	0.00%	0.6	7,181	4.4	4,688	16.8	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	40.0	0.00%	1.1	758	4.7	1,931	20.7	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	27.9	0.20%	1.3	615	4.3	1,150	24.3	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	13.8	4.90%	0.7	1,281	5.9	467	29.6	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	70.3	1.30%	1.2	625	1.3	3,216	21.9	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	81.0	2.70%	0.9	997	4.1	3,966	20.4	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	71.5	1.70%	0.6	5,922	29.2	4,633	15.4	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	72.2	0.60%	1.2	4,329	15.2	466	154.8	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	62.9	1.30%	1.3	3,644	19.0	1,507	41.7	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	99.0	1.20%	0.9	1,312	7.2	6,133	16.1	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	57.8	4.00%	1.7	383	3.8	2,237	25.8	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	123.2	-1.30%	1.0	7,130	48.6	4,889	25.2	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	124.0	0.40%	1.4	562	2.7	4,590	27.0	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	26.1	1.20%	0.9	3,012	10.0	4,137	6.3	1.6	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.1	1.90%	1.1	2,121	3.6	3,048	6.9	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	0.30%	1.2	1,549	8.4	2,154	8.2	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.5	0.30%	1.1	1,149	3.1	2,366	6.1	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.0	0.30%	1.0	1,245	2.0	1,273	14.2	1.3	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	24.6	1.20%	1.6	685	7.8	1,397	17.6	1.6	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	43.4	3.10%	1.7	760	5.8	1,763	24.6	2.2	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.2	1.70%	1.5	920	5.7	1,591	9.6	1.3	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	43.1	6.90%	1.8	381	1.3	2,165	19.9	1.8	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	15.4	2.00%	1.7	496	6.8	1,338	11.5	1.1	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	63.7	-1.20%	1.2	252	1.9	2,709	23.5	0.7	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	10.8	-0.90%	1.5	184	1.8	833	12.9	0.5	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	10.4	-4.10%	1.6	80	0.6	771	13.6	0.8	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	36.8	0.40%	1.2	262	3.3	1,549	23.7	2.2	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	73.7	2.60%	1.3	611	2.7	5,925	12.4	3.4	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	55.5	2.40%	1.1	298	0.4	3,028	18.3	2.0	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	23.9	2.40%	1.7	578	9.7	152	157.6	1.9	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	14.7	0.70%	1.3	315	2.0	312	47.2	1.3	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	26.0	-0.20%	1.5	789	3.0	295	88.1	1.1	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	43.8	1.30%	1.2	777	0.7	1,776	24.6	2.4	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	32.4	3.00%	1.5	5,128	3.0	704	45.9	2.5	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	21.8	2.80%	1.6	227	3.7	1,580	13.8	1.0	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	95.8	0.00%	1.0	311	0.7	11,420	8.4	3.0	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.2	2.90%	1.5	213	1.2	683	20.8	1.1	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	13.1	0.40%	1.5	374	4.5	249	52.6	0.9	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	18.0	-1.40%	1.2	1,616	6.6	1,975	9.1	1.0	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	18.0	1.70%	1.6	623	5.8	557	32.3	1.4	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	23.9	2.40%	1.7	578	9.7	152	157.6	1.9	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	16.7	0.60%	1.3	591	1.6	73	228.6	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.1	1.10%	1.4	-	0.3	507	17.9	0.8	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	38.2	3.70%	1.8	167	1.5	4,797	8.0	1.1	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.2	-1.00%	1.2	122	0.2	3,461	11.0	1.6	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	33.9	0.30%	0.8	160	0.7	2,510	13.5	2.2	11.9%	13.2%
PC1	Điện	28.5	2.20%	1.4	351	3.5	892	32.0	1.7	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	27.4	2.80%	1.3	366	3.5	2,061	13.3	1.4	15.6%	12.9%
GEX	Điện	21.5	0.00%	1.7	726	7.6	1,245	17.3	1.4	8.8%	4.1%
QTP	Điện	14.9	0.00%	0.6	-	0.2	1,354	11.0	1.2	1.3%	10.8%
PLX	O&G	47.5	4.90%	1.0	2,392	4.8	2,570	18.5	2.2	17.8%	10.7%
BSR	O&G	22.4	0.00%	1.2	-	8.2	2,588	8.7	1.2	0.7%	15.6%
PLC	O&G	25.4	0.40%	1.5	81	0.2	728	34.9	1.7	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	32.4	2.50%	1.4	171	1.8	262	123.5	1.5	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	64.0	0.00%	0.7	170	0.3	4,903	13.1	1.5	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	19.3	0.80%	1.5	204	2.7	532	36.2	1.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	39.5	0.00%	1.3	190	6.3	2,791	14.2	1.7	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	72.9	4.10%	1.5	352	3.5	2,980	24.5	5.4	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	28.0	6.90%	1.7	359	11.8	979	28.6	1.4	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	169.9	-0.10%	0.8	917	3.2	(2,215)	-76.7	13.7	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.6	-0.40%	0.6	-	1.2	6,737	7.2	2.0	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	25.1	1.60%	1.2	122	2.1	2,240	11.2	1.6	19.1%	12.5%
PVT	O&G	28.2	2.00%	1.1	398	2.3	2,802	10.1	1.4	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	35.0	1.60%	1.3	543	2.2	1,703	20.6	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	70.3	3.50%	1.0	1,312	4.3	3,806	18.5	1.9	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639